TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN MỎ CÀY NAM** TỈNH BẾN TRE	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 73/2020/HNGĐ-ST
Ngày: 21-8-2020
"V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con giữa chị T với anh N"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MỎ CÀY NAM, TỈNH BẾN TRE

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Hồng Dân.
Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Chí Thành.
2. Ông Nguyễn Văn Đông.

- Thư ký phiên toà: Bà Phạm Thị Ngọc Mai - Thư ký Tòa án nhân dân huyện M, tỉnh Bến Tre.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện M tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Xuân Hoàng - Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 8 năm 2020 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện M, tỉnh Bến Tre xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 110/2020/TLST-HNGĐ ngày 20 tháng 4 năm 2020 về "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 287/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 22 tháng 6 năm 2020 và Thông báo về thời gian mở phiên tòa số 11/2020/TB-TA ngày 06 tháng 7 năm 2020, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị T, sinh năm: 1986, đăng ký thường trú: Số 155, khu phố 3, thị trấn MN, huyện M, tỉnh Bến Tre. Chỗ ở hiện nay: Khu phố 5, thị trấn MN, huyện M, tỉnh Bến Tre (Có mặt).

2. Bị đơn: Anh Nguyễn Võ Thanh N, sinh năm: 1980, địa chỉ: Số 155, khu phố 3, thị trấn MN, huyện M, tỉnh Bến Tre (Có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản hòa giải và tại phiên tòa nguyên đơn là chị Nguyễn Thị T trình bày:

Chị và anh Nguyễn Võ Thanh N qua tìm hiểu và tự nguyện tiến tới hôn nhân, thành hôn vào đầu năm 2007, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn MN, huyện M, tỉnh Bến Tre. Sau khi cưới nhau, vợ chồng sinh sống tại khu phố 3, thị trấn MN, huyên Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre. Trong thời gian chung sống, anh chị phát sinh mâu thuẫn do có nhiều bất đồng về quan điểm sống, anh N không làm việc để chăm lo cho gia đình, thường xuyên nhậu, cờ bạc dẫn đến việc vợ chồng thường xuyên cãi vã. Khi mâu thuẫn xảy ra, anh chị đã cố gắng hàn gắn

tình cảm nhưng không thành . Từ tháng 3/2020 đến nay, chị và các con thuê nhà sống riêng, chị và anh N không ai quan tâm gì đến ai . Nay xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị xin ly hôn với anh N.

Trong thời gian chung sống, chị và anh N có hai con chung tên Nguyễn Võ Tấn T, sinh ngày: 13/9/2007 và Nguyễn Thị Thanh B, sinh ngày: 25/4/2010. Chị yêu cầu được T tục nuôi hai con, không yêu cầu anh N cấp dưỡng cho con.

Chị và anh N không tranh chấp tài sản chung, không có nợ chung.

Tại biên bản lấy lời khai, biên bản hòa giải và tại phiên tòa bị đơn là anh Nguyễn Võ Thanh N trình bày:

Anh thống nhất với trình bày của chị T về quá trình tiến tới hôn nhân, đăng ký kết hôn. Trong quá trình chung sống, giữa anh chị phát sinh mâu thuẫn do chị T không còn thương yêu, quan tâm chăm sóc anh. Từ tháng 3/2020, chị T dẫn các con thuê nhà sống riêng. Do còn thương các con nên anh không đồng ý ly hôn với chị T.

Về con chung: Anh và chị T có hai con chung như chị T trình bày. Mặc dù, hiện tại các con đang sống cùng với chị T nhưng do tính chất công việc, chị T không có nhiều thời gian điều kiện để chăm sóc, nuôi dưỡng các con nên anh yêu cầu được nuôi hai con, không yêu cầu chị T cấp dưỡng cho con.

Về tài sản chung: Không tranh chấp nên không yêu cầu giải quyết.

Về nợ chung: Không có.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện M, tỉnh Bến Tre phát biểu ý kiến:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn thực hiện đúng các quyền, nghĩa vụ của mình theo quy định tại các điều 70, 71 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn thực hiện đúng các quyền, nghĩa vụ của mình theo quy định tại Điều 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Kiểm sát viên trình bày ý kiến phát biểu về nội dung và đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị T.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa và ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện M, tỉnh Bến Tre, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng dân sự: Chị Nguyễn Thị T có đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân huyện M, tỉnh Bến Tre giải quyết ly hôn, tranh chấp về nuôi con giữa chị với anh Nguyễn Võ Thanh N có địa chỉ tại khu phố 3, thị trấn MN, huyện M, tỉnh Bến Tre nên Tòa án nhân dân huyện M, tỉnh Bến Tre thụ lý, giải quyết là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị T và anh Nguyễn Võ Thanh N chung sống có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn MN, huyện M, tỉnh Bến Tre và được cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 17/8/2007 nên quan hệ hôn nhân của chị T và anh N được xem là hợp pháp, được pháp luật thừa nhận và bảo vệ. Tuy nhiên, chị T cho rằng giữa chị và anh N có sự khác biệt về quan điểm sống, anh N không làm việc để phát triển kinh tế gia đình mà thường xuyên uống rượu, chơi đánh bạc nên dẫn đến việc vợ chồng thường xuyên cãi vã và mâu thuẫn ngày càng trầm trọng. Chị T và anh N sống ly thân từ tháng 3/2020 cho đến nay, không ai quan tâm gì đến ai . Anh N cho rằng giữa anh chị mâu thuẫn do chị T không còn thương yêu, quan tâm chăm sóc anh. Anh N muốn chị T cho anh thêm cơ hội để vợ chồng hàn gắn đoàn tụ vì các con nhưng chị T xác định tình cảm vợ chồng không còn, không thể T tục chung sống với nhau nên chị T cương quyết xin ly hôn với anh N. Từ đó, cho thấy quan hệ hôn nhân gi ữa chị T với anh N đã đến mức trầm trọng, không thể đoàn tụ để tiếp tục cuộc sống chung của vợ chồng, mục đích hôn nhân không đạt được nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị T đối với anh N.

[3] Về con chung: Chị T và anh N có hai con chung là Nguyễn Võ Tấn T, sinh ngày: 13/9/2007 và Nguyễn Thị Thanh B, sinh ngày: 25/4/2010. Chị T yêu cầu được T tục nuôi dưỡng Nguyễn Võ Tấn T và Nguyễn Thị Thanh B, không yêu cầu anh N cấp dưỡng cho con. Anh N không đồng ý với yêu cầu của chị T, anh cũng có yêu cầu được nuôi dưỡng hai con, không yêu cầu chị T cấp dưỡng cho con.

Hội đồng xét xử xét thấy, cả hai con sống với chị T từ khi chị và anh N ly thân cho đến nay , chị T cũng đảm b ảo tốt việc nuôi dưỡng con . Đồng thời, theo nguyện vọng của cháu Tài và cháu Thảo muốn được T tục sống với chị T. Do đó, để đảm bảo tâm sinh lý của các con được ổn định nên chấp nhận yêu cầu của chị T, giao con là Nguyễn Võ Tấn T và Nguyễn Thị Thanh B cho chị T tiếp tục trực tiếp chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng là phù hợp với quy định tại Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Về cấp dưỡng nuôi con: Chị T không yêu cầu anh N cấp dưỡng cho con nên ghi nhận.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: Chị T và anh N trình bày không tranh chấp tài sản chung, không có nợ chung nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị T là người khởi kiện xin ly hôn nên phải chịu 300.000 đồng tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các điều 28, 35, 39, 147, 271, 273, 278, 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Căn cứ các điều 51, 56, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội;

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị T.

Về hôn nhân: Chị Nguyễn Thị T được ly hôn với anh Nguyễn Võ Thanh N.

Về con chung: Chị Nguyễn Thị T và anh Nguyễn Võ Thanh N có hai con chung là Nguyễn Võ Tấn T, sinh ngày: 13/9/2007 và Nguyễn Thị Thanh B, sinh ngày: 25/4/2010.

Chị Nguyễn Thị T được tiếp tục trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng con chung là Nguyễn Võ Tấn T và Nguyễn Thị Thanh B.

Ghi nhận chị Nguyễn Thị T không yêu cầu anh Nguyễn Võ Thanh N cấp dưỡng cho con.

Anh Nguyễn Võ Thanh N có quyền thăm nom con mà không ai được cản trở anh thực hiện quyền này. Trong trường hợp anh Nguyễn Võ Thanh N lạm dụng việc thăm nuôi con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng con thì chị Nguyễn Thị T có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của anh Nguyễn Võ Thanh N.

Vì lợi ích của con, một hoặc cả hai bên có quyền yêu cầu Tòa án quyết định thay đổi việc cấp dưỡng cho con.

Trong trường hợp có yêu cầu của một hoặc cả hai bên hoặc của cá nhân, tổ chức theo quy định của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực T nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Chị Nguyễn Thị T và anh Nguyễn Võ Thanh N không tranh chấp tài sản chung, không có nợ chung nên không xem xét.

Về án phí: Chị Nguyễn Thị T phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai số 0010371 ngày 20 tháng 4 năm 2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện M, tỉnh Bến Tre. Chị Nguyễn Thị T đã nộp đủ án phí.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, có quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự".

Đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- UBND thị trấn MN;
- VKSND huyện M;

- Chi cục THADS huyện M;
- TAND tỉnh Bến Tre;
- Lưu hồ sơ vụ án.

Nguyễn Hồng Dân